

Số: /2026/NQ-HĐND Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp thẩm quyền quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương tỉnh Ninh Bình quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương tỉnh Ninh Bình quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương tỉnh Ninh Bình quản lý.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân cấp thẩm quyền quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương tỉnh Ninh Bình quản lý, gồm:

1. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

3. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

4. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cấp tỉnh quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cấp tỉnh quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các HĐND, UBND cấp xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH